

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 11-TC/TCT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 24 tháng 2 năm 1993

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện nghị định số 1/CP ngày 18/10/1992 của Chính phủ về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế

Thi hành Nghị định số 1/CP ngày 18-10-1992 của Chính phủ về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể như sau:

I. Những quy định chung

1. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế là hành vi do cá nhân, tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm các chế độ quản lý, thu nộp thuế, lệ phí mà không phải là tội phạm hình sự và theo quy định của Nghị định số 1/CP ngày 18-10-1992 phải bị xử phạt hành chính.

2. Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế:

a) Mọi tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác tính thuế, thu thuế, nộp thuế hoặc các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước khác nếu thực hiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

b) Các đối tượng khác nếu thực hiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế thì bị xử lý theo quy định tại điều 5 Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính.

3. Cơ quan thu thuế theo quy định tại Nghị định số 1/CP ngày 18-10-1992 bao gồm cơ quan thuế các cấp và cơ quan Hải quan (đối với thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu).

4. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế được thực hiện theo điều 6 Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính ngày 30 tháng 11 năm 1989 và cần chú ý thêm một số điểm sau:

a) Hình thức phạt chính (cảnh cáo, phạt tiền) được áp dụng độc lập hoặc có thể áp dụng thêm hình thức phạt bổ sung (tước quyền sử dụng giấy đăng ký kinh doanh).

Chỉ được áp dụng hình thức phạt bổ sung cùng với hình thức phạt chính khi điều luật có quy định hình thức phạt bổ sung.

b) Trường hợp áp dụng hình thức phạt tiền đối với tổ chức, cá nhân có nhiều vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế trong một lần phát hiện, kiểm tra thì xử phạt về từng hành vi vi phạm sau đó tổng hợp hình phạt. Hình phạt tổng hợp không vượt quá mức cao nhất của mức phạt được pháp luật quy định đối với vi phạm nặng nhất đã vi phạm.

c) Tổ chức bị xử phạt phải thi hành quyết định xử phạt, sau đó xác định lỗi của từng người trực tiếp gây ra vi phạm hành chính đó để xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Các tình tiết giảm nhẹ trong lĩnh vực thuế:

a) Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính đã ngăn chặn làm giảm bớt tác hại của vi phạm hoặc tự nguyện sửa chữa bồi thường thiệt hại.

b) Vi phạm trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt khó khăn.

c) Vi phạm do hạn chế trình độ.

6. Các tình tiết tăng nặng trong lĩnh vực thuế:

a) Vi phạm có tổ chức.

b) Vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm.

c) Vi phạm gây thiệt hại lớn về tài sản.

d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc hoàn cảnh thiên tai, dịch bệnh hoặc dịch họa để vi phạm.

e) Vi phạm trong thời gian đang chấp hành quyết định xử phạt.

h) Sau khi vi phạm đã có hành vi trốn tránh, che giấu vi phạm.

7. Những trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế:

a) Hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính:

Không xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân, tổ chức thực hiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế nếu đã quá 1 năm kể từ ngày vi phạm. Riêng đối với các hành vi man khai trốn thuế (quy định tại điều 2 Nghị định số 1-CP ngày 18-10-1992) hoặc có sự nhầm lẫn trong việc tính thuế, xử phạt thuế thì thời hiệu xử phạt là 3 năm kể từ ngày vi phạm.

Nhầm lẫn về tính thuế, xử phạt thuế được hiểu là những trường hợp do vô ý hoặc do hạn chế trình độ dẫn tới việc áp dụng sai Luật thuế, Pháp lệnh thuế... (áp dụng sai thuế suất, sai mặt hàng, sai đối tượng...)

Trường hợp cá nhân vi phạm pháp luật đã bị khởi tố, truy tố hoặc đã có quyết định đưa ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự mà các cơ quan tiến hành tố tụng quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án, những hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm hành chính thì thời hiệu xử phạt là 3 tháng kể từ ngày có quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án hình sự. Nếu cá nhân, tổ chức vi phạm cố tình trốn tránh, cản trở việc vi phạm hoặc lại vi phạm tiếp khi chưa hết thời hiệu xử phạt thì thời hiệu xử phạt được tính lại kể từ ngày chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt hoặc ngày thực hiện vi phạm mới.

Ngày chấm dứt hành vi trốn tránh cản trở việc xử phạt là ngày đương sự tự giác đến cơ quan thuế trình báo và nhận thực hiện quyết định xử phạt của cơ quan thuế. Cơ quan thuế phải lập biên bản ghi nhận việc này.

b) Vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế có dấu hiệu của tội phạm và cơ quan thuế đã chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

c) Người thực hiện hành vi vi phạm chưa đủ tuổi để chịu trách nhiệm hành chính theo quy định tại điều 29 Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính ngày 30 tháng 11 năm 1989.

d) Vi phạm hành chính trong tình trạng không có năng lực trách nhiệm hành chính. Đó là trường hợp một người thực hiện vi phạm hành chính trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hay khả năng điều khiển hành vi của mình.

II. Những hành vi vi phạm hình thức và mức xử phạt.

Căn cứ quy định tại điều 1, 2, 3, 4 chương I Nghị định số 1-CP ngày 18-10-1992 của Chính phủ, những hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hình thức và mức phạt cụ thể như sau:

1. Hành vi vi phạm về thủ tục kê khai, đăng ký lập sổ sách kế toán và giữ chứng từ hoá đơn liên quan đến việc tính thuế, thu thuế, nộp thuế.

1.1. Phạt cảnh cáo với vi phạm lần đầu; nếu vi phạm lần thứ hai thì phạt tiền từ 20.000 đồng đến 50.000 đồng, nếu có tình tiết tăng nặng thì phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với những hành vi sau:

a) Kê khai đăng ký nộp thuế với cơ quan thuế quá thời hạn quy định.

Quá 5 ngày kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh, sáp nhập, phân chia, giải thể hoặc thay đổi địa điểm kinh doanh, thay đổi mặt hàng kinh doanh.

Ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh, sáp nhập, phân chia, giải thể hoặc thay đổi kinh doanh là ngày cơ sở kinh doanh công bố chính thức trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc là ngày đầu tiên cơ sở thực tế có các hoạt động trên.

Riêng đối với thuế đất thời hạn là một tháng kể từ khi có sự thay đổi về quyền sử dụng đất, về diện tích đất hoặc sử dụng đất để làm nhà ở, xây dựng công trình. Ngày được coi là có sự thay đổi là ngày lập hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất hoặc là ngày cơ quan có thẩm quyền ký quyết định cho sử dụng đất làm nhà ở, xây dựng công trình.

b) Khai không đủ các khoản mục quy định trong các tờ khai nộp thuế hay trong các tài liệu kế toán cung cấp cho cơ quan thu thuế.

1.2. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 400.000 đồng đối với vi phạm lần đầu; nếu vi phạm lần 2 thì phạt tiền từ 400.000 đồng đến 800.000 đồng, nếu có tình tiết tăng nặng có thể phạt đến 1.000.000 đồng đối với hành vi sau:

Thực hiện không đầy đủ chế độ quản lý, sử dụng hoá đơn bán hàng theo quy định của Nhà nước, cụ thể:

Sử dụng các loại hoá đơn bán hàng và phiếu xuất kho vận chuyển nội bộ không phải do Bộ Tài chính phát hành.

Ghi không đầy đủ các yếu tố theo quy định của từng mẫu hoá đơn khi xuất hàng hoặc cung ứng dịch vụ cho khách hàng.

1.3. Phạt tiền từ 50.000 đồng đến 400.000 đồng đối với vi phạm lần đầu; Nếu vi phạm lần 2 phạt từ 400.000 đồng đến 800.000 đồng, nếu có tình tiết tăng nặng có thể phạt đến 1.000.000 đồng đối với các hành vi sau:

a) Không xuất trình sổ sách kế toán, chứng từ, tài liệu có liên quan theo yêu cầu của cơ quan thuế.

b) Không nộp tờ khai nộp thuế, báo cáo kế toán cho cơ quan thu thuế trong thời hạn quy định.

Thời hạn để các cơ sở kinh doanh, cá nhân thuộc diện phải kê khai như sau:

b.1. Tờ khai nộp thuế

b.1.1. Đối với thuế doanh thu, thuế tiêu thụ đặc biệt:

5 ngày đầu tháng sau, kể cả trường hợp không có doanh thu hoặc không phát sinh thuế tiêu thụ đặc biệt.

b.1.2. Đối với thuế lợi tức:

10 ngày đầu tháng sau.

b.1.3. Đối với thuế thu nhập:

Đối với thu nhập thường xuyên: 10 ngày đầu tháng 1 năm dương lịch hoặc 10 ngày đầu tháng đầu tiên đối với cá nhân có thu nhập chịu thuế. Cuối năm chậm nhất không quá ngày 31 tháng 12 phải làm bảng kê khai số tiền công, tiền lương thực nhận trong năm nộp cho cơ quan thuế để thanh quyết toán thuế thu nhập trong năm.

Tổ chức, cá nhân được uỷ quyền thu thuế thu nhập hàng năm không quá ngày 31 tháng 1 phải nộp bảng kê danh sách người nộp thuế cho cơ quan thuế. Trường hợp trong năm có sự thay đổi về số người nộp thuế và thu nhập chịu thuế phải làm bảng kê bổ sung kịp thời ngay trong tháng có sự thay đổi. Cuối năm không quá ngày 28 tháng 2 năm sau hoặc 30 ngày sau khi hết hạn hợp đồng phải nộp bảng thanh quyết toán thu nhập trong năm cho cơ quan thuế.

Đối với thu nhập không thường xuyên: 5 ngày kể từ ngày phát sinh thu nhập.

b.1.4. Đối với thuế tài nguyên:

5 ngày đầu tháng sau và 45 ngày kể từ ngày kết thúc năm (hoặc kể từ ngày kết thúc nhiệm kỳ hoặc hợp đồng khai thác tài nguyên).

b.1.5. Đối với chế độ thu về sử dụng vốn ngân sách Nhà nước: Ngày 20 hàng tháng.

Trường hợp cơ sở có khó khăn không kê khai được hàng tháng phải báo cáo với Cục thuế địa phương để xem xét và quy định cho tạm nộp hàng tháng và kê khai hàng quý. Trong trường hợp này tờ khai nộp tiền thu về sử dụng vốn ngân sách được gửi kèm với báo cáo kế toán quý cho cơ quan thuế.

b.1.6. Đối với thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Hai ngày kể từ ngày lý do miễn, giảm thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu bị thay đổi theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 110-HĐBT ngày 31-3-1992 của Hội đồng Bộ trưởng về việc quy định chi tiết việc thi hành luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và mục II Thông tư số 8-TC/TCT ngày 31-3-1992 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 110-HĐBT ngày 31-3-1992.